

**TÁC ĐỘNG CỦA TỰ DO KINH TẾ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN
CON NGƯỜI: NGHIÊN CỨU Ở MỘT SỐ NƯỚC
ĐANG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2010-2019**

Phạm Xuân Trường¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ông Thị Thanh Hà

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Trần Thị Mai Anh

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 22/08/2021; Ngày hoàn thành biên tập: 04/11/2021; Ngày duyệt đăng: 09/12/2021

Tóm tắt: Ở các nước phát triển có nhiều bằng chứng thực nghiệm ủng hộ tác động tích cực của tự do kinh tế đối với phát triển con người. Tuy nhiên, kết quả lại không thống nhất ở các nước đang phát triển. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và phương pháp dữ liệu bảng với hiệu ứng ngẫu nhiên cho dữ liệu của nhóm đại diện gồm 20 quốc gia đang phát triển giai đoạn 2010-2019 để tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm về tác động riêng biệt của các yếu tố trong tự do kinh tế đến sự phát triển con người ở các nước đang phát triển. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số yếu tố liên quan đến tự do kinh tế có tác động tích cực tới phát triển con người. Là một nước đang phát triển, Việt Nam có thể rút ra một số hàm ý chính sách từ những kết quả trên và thực tiễn mối quan hệ giữa tự do kinh tế và phát triển con người ở chính quốc gia mình.

Từ khóa: Tự do kinh tế, Phát triển con người, Chính sách phát triển

**THE IMPACT OF ECONOMIC FREEDOM ON
HUMAN DEVELOPMENT: STUDY IN SELECTED
DEVELOPING COUNTRIES IN 2010-2019**

Abstract: There are numerous empirical evidences supporting the fact that economic freedom positively affects human development in developed countries. However, the result is inconsistent in developing countries. To find empirical evidences regarding distinct effects of each factor of economic freedom on human development in developing countries, the study uses exploratory factor analysis and panel data method with random effects for a data set of a representative group of 20

¹ Tác giả liên hệ, Email: truongpx@ftu.edu.vn

developing countries in the period 2010-2019. Research results show that some of the components in economic freedom have a positive impact on human development. As a developing nation, Vietnam could draw appropriate policy implications based on the above results and the practical situation of the relationship between economic freedom and human development in the country.

Keywords: Economic Freedom, Human Development, Development Policy

1. Mở đầu

Phát triển con người luôn là một trong những mục tiêu quan trọng được ưu tiên trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Các thước đo liên quan đến phát triển con người thường là những chỉ số bao quát nên có xu hướng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có tự do kinh tế. Ngày nay, một trong những chỉ số tổng quát đo lường phát triển con người được sử dụng rất phổ biến là chỉ số phát triển con người HDI (Human Development Index) do Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) tính toán và công bố hàng năm. Trong khi đó, tự do kinh tế là quyền của mỗi cá nhân được làm việc, sử dụng, kiểm soát lao động và tài sản của mình (Gwartney & cộng sự, 1996). Tự do kinh tế thường được đánh giá trên mức độ tự do lựa chọn, tự do trao đổi và tự do chính trị của các cá nhân trong một quốc gia (Miller & Kim, 2016). Phần lớn các nghiên cứu kết luận rằng tự do kinh tế sẽ thúc đẩy phát triển con người ở các quốc gia, dựa trên mối tương quan cùng chiều giữa tự do kinh tế và tăng trưởng kinh tế (Naanwaab, 2018). Thực tế cũng cho thấy các nước xếp hạng tự do kinh tế thấp nhất theo bảng xếp hạng HDI của Liên Hợp Quốc cũng là các quốc gia có thu nhập bình quân đầu người rất thấp dẫn tới chỉ số HDI cũng rất thấp².

Tuy nhiên, không có sự nhất quán tuyệt đối trong các công trình học thuật về mối quan hệ giữa tự do kinh tế và tăng trưởng kinh tế khi áp dụng cho các nước đang phát triển (Altman, 2008). Trên thực tế, khi tự do kinh tế được mở rộng nhưng do trình độ quản lý nền kinh tế chưa tăng ở mức tương ứng, một số các quốc gia đang phát triển đã gặp vấn đề về phân bổ nguồn lực và đối phó với khủng hoảng kinh tế truyền đến từ bên ngoài, dẫn đến tăng trưởng chậm lại, từ đó không cải thiện được mức độ phát triển con người của quốc gia (Stallings, 2001). Hơn nữa, việc sử dụng một thước đo tổng hợp cho tự do kinh tế không phản ánh rõ ràng cơ chế tác động, dẫn đến khó khăn hoặc thậm chí là sai lầm khi hoạch định chính sách. Nghiên cứu sẽ khảo sát mối quan hệ của các yếu tố độc lập trong tự do kinh tế tại 20 quốc gia đang phát triển, những nước có đầy đủ số liệu về phát triển con người, tự do kinh tế và các biến khác của mô hình trong giai đoạn 2010-2019. Giai đoạn nghiên cứu được chọn là sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008-2009 hy vọng bộc lộ rõ nét nhất mối quan hệ giữa phát triển con người và tự do kinh tế khi chính phủ cố gắng

² Theo bảng xếp hạng cập nhật của HDI, EFI 2020 các quốc gia thuộc nhóm HDI thấp nhất như Brundi, Guinea, CH Trung Phi, Chad, Burkinafaso... cũng là các quốc gia nằm trong nhóm cuối trong bảng xếp hạng EFI.

can thiệp vào nền kinh tế hậu khủng hoảng để thúc đẩy tăng trưởng, một trong những điều kiện đảm bảo cho sự phát triển con người.

Cấu trúc của bài viết bên cạnh phần mở đầu sẽ bao gồm 4 phần: (i) Tổng quan tình hình nghiên cứu; (ii) Phương pháp nghiên cứu; (iii) Kết quả nghiên cứu và thảo luận; và (iv) Kết luận và hàm ý chính sách.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Đến nay, định nghĩa về phát triển con người của UNDP được chấp nhận rộng rãi nhất. Cách tiếp cận phát triển con người của UNDP đại diện cho ý tưởng: bản chất của phát triển là cải thiện điều kiện sống bằng cách mở rộng phạm vi những thứ mà một cá nhân có thể trở thành hoặc thực hiện. Điều này không chỉ đơn thuần là tăng trưởng kinh tế mà còn là cải thiện điều kiện sống, thể hiện ở các khía cạnh: thu nhập, y tế và giáo dục. Để đo lường mức độ phát triển con người ở các nước trên thế giới, UNDP tính toán chỉ số phát triển con người cho từng quốc gia kể từ năm 1990. HDI nhận giá trị từ 0 đến 1 với mức độ phát triển con người tăng dần (UNDP, 2020).

Những nghiên cứu về đề tài này thường xem xét mối quan hệ giữa tự do kinh tế và một hoặc một số khía cạnh của phát triển con người, điển hình là y tế, giáo dục và thu nhập. Trước hết, đối với phương diện y tế, Gwartney & cộng sự (2004) kết luận công dân ở những nước có mức độ tự do kinh tế cao hơn thì đạt được tuổi thọ trung bình cao hơn, tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh cũng thấp hơn. Nhiều nhà nghiên cứu lập luận rằng tự do kinh tế tác động tích cực đến sức khỏe bởi một số lý do như thể chế pháp quyền nghiêm minh với quyền sở hữu được đảm bảo tạo động lực cho nghiên cứu phát triển y học (Stroup, 2007) và nâng cao hiệu quả chi tiêu công cho y tế (Makuta & O'Hare, 2015), việc bãi bỏ rào cản thương mại giúp cá nhân (bệnh nhân) và doanh nghiệp (nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe) dễ dàng tiếp cận đa dạng các sản phẩm y tế với mức giá thấp (Helble & Shepherd, 2017). Tuy nhiên, đối với các nước đang phát triển, kết quả lại không đồng nhất. Nghiên cứu của Sharma (2020) sử dụng bộ dữ liệu của 34 quốc gia Châu Phi cận Sahara từ năm 2005 đến năm 2016 ủng hộ những kết luận nêu trên nhưng Copeland (2008) lại cho kết quả ngược lại khi khẳng định tự do thương mại có thể dẫn đến sự tập trung các ngành công nghiệp gây ô nhiễm ở các nước kém phát triển với chính sách môi trường yếu kém.

Liên quan đến mối quan hệ giữa tự do kinh tế và giáo dục, sử dụng dữ liệu từ năm 1972 đến năm 2011 của 109 quốc gia, Feldmann (2017) tìm thấy mối tương quan thuận chiều giữa tự do kinh tế và đầu tư nguồn nhân lực bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của thị trường tín dụng. Ashley & cộng sự (2014) phát hiện sự cải thiện trong hoạt động giáo dục là nhờ mở rộng các trường tư với kết quả dạy và học tốt hơn so với các trường công lập, trong khi nghiên cứu của Gwartney & Lawson (2013) lại ủng hộ cho lý thuyết kinh tế tiêu chuẩn, khẳng định chính phủ

cần điều tiết nền kinh tế, cung cấp giáo dục và y tế công để tránh tình trạng hoạt động kém hiệu quả hay thiếu hụt nguồn cung do các thất bại thị trường như ngoại ứng và thông tin bất cân xứng, nhất là ở các nước kém phát triển. Nghiên cứu của Zaman & cộng sự (2017) xây dựng cho thấy tầm quan trọng của các chỉ số tự do kinh tế trong cải cách giáo dục đại học ở một số quốc gia Nam Á, tạo điều kiện tiên quyết cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở các quốc gia này.

Nhiều học giả cũng tiến hành phân tích ảnh hưởng của tự do kinh tế đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả của phần lớn các nghiên cứu cho thấy tự do kinh tế tỷ lệ thuận với tăng trưởng. Nguyên nhân có thể là do một chính phủ quy mô vừa phải và thuế thấp giúp phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn (Graafland & Bart, 2015), một hệ thống luật pháp bảo vệ tốt quyền sở hữu sẽ thúc đẩy khu vực tư nhân đầu tư và liên tục tạo ra cách tân (Nystrom, 2008), thương mại tự do giúp gia tăng quy mô sản xuất và trao đổi kiến thức (Lucas, 2000). Ngược lại, nghiên cứu của Kim & cộng sự (2012) lập luận rằng sự cạnh tranh kém hiệu quả giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài dẫn đến tăng trưởng kinh tế thấp hơn và rủi ro tổng thể cao hơn. Altman (2008) cho rằng mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tự do kinh tế và tăng trưởng chỉ xuất hiện khi vượt quá một mức thu nhập nhất định. Trong khi đó, Easterlin (1995) không tìm ra bất kỳ sự tương quan nào giữa hai biến số này. Nghiên cứu ở các nước đang phát triển cũng đi đến những kết luận trái ngược. Nếu Hye & Yeap (2017) lập luận rằng tăng trưởng kinh tế chậm ở một số nước đang phát triển là do chính sách tự do tài chính trì trệ, thì Carraro & Karfakis (2018) phát hiện mở rộng tự do tài chính làm mất khả năng thanh toán tổng thể, tăng nguy cơ xảy ra khủng hoảng ngân hàng và khủng hoảng tài chính ở các nước Châu Phi cận Sahara. Tran (2019), khi nghiên cứu các nước ASEAN trong giai đoạn 2000-2017, lại nhận thấy trong khi tự do lao động, tự do tài chính tác động tích cực tới tăng trưởng các nước trong khu vực, thì tự do thương mại có tác động tiêu cực.

Liên quan đến mối quan hệ giữa tự do kinh tế và sự phát triển con người nói chung, trong khi phần lớn nghiên cứu với dữ liệu đầy đủ ở các nước phát triển cho thấy tác động tích cực thì vẫn có những nghiên cứu mở rộng cho thấy còn có những thành phần của tự do kinh tế chưa thể hiện ảnh hưởng rõ ràng. Guney (2017), sau khi xử lý bộ dữ liệu của các nước OECD giai đoạn 1990-2014 bằng phương pháp hồi quy GMM, đã rút ra nhận xét tất cả các chỉ số liên quan đến tự do kinh tế đều có đóng góp tích cực vào chỉ số phát triển con người. Một nghiên cứu khác của Gezer (2020) hướng đến 11 nền kinh tế chuyển đổi Châu Âu trong giai đoạn 1996-2018 cũng cho rằng tự do kinh tế ảnh hưởng tích cực đến phát triển con người cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn. Nghiên cứu của Carlsson & Lundström (2002) là một trong số ít các nghiên cứu bóc tách các thành phần của tự do kinh tế và xem xét mối quan hệ của chúng với phát triển con người. Kết quả cho thấy có sự tác động tích cực của thành phần quyền sở hữu, tự do tiền tệ lên phát triển con người, trong khi mối quan

hệ giữa thành phần quy mô chính phủ và tự do thương mại và phát triển con người không được ghi nhận.

Như vậy, có thể thấy các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của tự do kinh tế và các thành phần đối với phát triển con người khá đa dạng về phương pháp, phạm vi thời gian và không gian nghiên cứu. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu tiến hành ở các nước đang phát triển còn hạn chế; các kết luận rút ra cũng không đồng nhất. Bên cạnh đó, các nghiên cứu chủ yếu xoay quanh tác động của tự do kinh tế lên các thành phần trong phát triển con người thay vì lên sự phát triển con người tổng thể. Do đó, nhóm tác giả sẽ bổ sung vào những kết quả trên bằng cách cập nhật số liệu nghiên cứu cho giai đoạn 2010-2019 với phạm vi nghiên cứu là các quốc gia đang phát triển có thu nhập trải dài từ thấp đến trung bình cao. Dữ liệu nghiên cứu được lấy từ hai chỉ số tiêu biểu nhất là HDI cho phát triển con người và EFI (Economics Freedom Index) cho tự do kinh tế. Thay vì sử dụng chỉ số tự do kinh tế nói chung, nhóm tác giả tiến hành đánh giá ảnh hưởng của các chỉ số thành phần của chỉ số EFI lên tổng thể mức độ phát triển con người từng quốc gia thông qua chỉ số HDI, từ đó giúp hiểu rõ ảnh hưởng cụ thể của từng nhân tố trong tự do kinh tế đến sự phát triển con người, làm tiền đề cho những khuyến nghị chi tiết hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng với số liệu của 20 nước đang phát triển theo cách phân loại dựa trên thu nhập bình quân đầu người của Ngân hàng Thế giới. Đây là những nước có dữ liệu đầy đủ nhất về các biến được sử dụng trong mô hình. Các nước này trải dài ở tất cả 6 khu vực trên thế giới (Mỹ Latinh và Caribe, Nam Á, Đông Á và Thái Bình Dương, Châu Phi hạ Sahara, Trung Đông và Bắc Phi, Châu Âu và Trung Á), cũng như sở hữu các mức thu nhập khác nhau (thấp, trung bình thấp và trung bình cao).

Về nguồn dữ liệu, số liệu về chỉ số phát triển con người được thu thập từ các Báo cáo của UNDP; số liệu về các chỉ số liên quan đến tự do kinh tế EFI được thu thập và tính toán từ website của Quỹ Di sản (The Heritage Fund); số liệu về độ mở nền kinh tế, vốn hỗ trợ phát triển chính thức trên đầu người, tỷ suất sinh, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình và số học sinh nhập học bậc Tiểu học được thu thập từ website của Ngân hàng Thế giới (World Bank).

Các số liệu trên đều được tổng hợp trong giai đoạn 10 năm (2010-2019) là giai đoạn sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008-2009, giai đoạn mà nền kinh tế cần rất nhiều sự hỗ trợ từ phía chính phủ, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Việc chính phủ can thiệp nhiều vào nền kinh tế như vậy về mặt lý thuyết tương đương với tự do kinh tế bị giảm sút. Và đó cũng là lúc câu hỏi về tác động tự do kinh tế lên phát triển con người được đặt ra.

3.2 Mô hình nghiên cứu

Trước hết, đồng quan điểm với Carlsson & Lundström (2002), nhóm tác giả cho rằng việc sử dụng chỉ số tự do kinh tế tổng thể là không thuyết phục, bởi vì các yếu tố khác nhau trong tự do kinh tế sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển con người theo chiều hướng và mức độ khác nhau (Gwartney & cộng sự, 2000). Dựa trên đề xuất của McMullen & cộng sự (2008), bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm thu gọn 12 biến là 12 yếu tố cấu thành của tự do kinh tế thành một tập hợp với số lượng biến ít hơn, có ý nghĩa quyết định tự do kinh tế, được nhóm thành các nhân tố có thể đại diện nhiều nhất cho đặc tính của toàn bộ các biến ban đầu.

Chỉ số tự do kinh tế của Quỹ Di sản là trung bình cộng của 12 yếu tố được nhóm đều vào 4 trụ cột, mỗi trụ cột gồm 3 yếu tố (Bảng 1). Giá trị mỗi yếu tố được đo trên thang điểm 0-100.

Bảng 1. Các yếu tố thành phần của chỉ số EFI

I. Hệ thống pháp luật	II. Quy mô chính phủ
1. Quyền tài sản	1. Gánh nặng thuế
2. Sự liên chính của chính phủ	2. Chi tiêu chính phủ
3. Hiệu quả tư pháp	3. Sức khỏe tài khóa
III. Hiệu quả điều tiết	IV. Thị trường mở
1. Tự do kinh doanh	1. Tự do thương mại
2. Tự do lao động	2. Tự do đầu tư
3. Tự do tiền tệ	3. Tự do tài chính

Nguồn: Quỹ Di sản (2021)

Kiểm định ban đầu cho thấy hệ số KMO = 0,653 (>0,5), kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê với hệ số sig. = 0, tức phương pháp EFA được áp dụng là hoàn toàn phù hợp. Tiến hành các bước tiếp theo trong phương pháp EFA cho kết quả sau: phép trích nhân tố trích được 4 nhân tố có giá trị eigenvalue lớn hơn 1 với tổng phương sai tích lũy là 73,246% (>50%), các nhân tố đều có hệ số tải lớn hơn 0,5.

Bảng 2 thể hiện kết quả phân tích EFA. Bốn nhân tố mới thu được là: (1) Thị trường mở gồm các biến Tự do thương mại, Tự do đầu tư, Tự do tài chính và Tự do tiền tệ; (2) Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết gồm các biến Quyền tài sản, Sự liên chính của chính phủ, Tự do kinh doanh và Tự do lao động; (3) Sức khỏe tài khóa và Hiệu quả tư pháp gồm các biến Sức khỏe tài khóa và Hiệu quả tư pháp; (4) Quy mô chính phủ gồm các biến Gánh nặng thuế và Chi tiêu chính phủ. Tuy nhiên, số lượng biến trong nhân tố (3) và (4) rất ít nên nhóm tác giả quyết định loại bỏ hai nhân tố này. Theo Watkins (2018), mỗi nhân tố phải gồm tối thiểu ba biến mới có thể mang tính đại diện. Như vậy, mô hình sẽ gồm 2 biến giải thích liên quan đến tự do kinh tế là (1) Thị trường mở và (2) Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết, mỗi biến giải thích nhận giá trị trung bình của các biến thành phần.

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Biến	Hệ số nhân tố tải			
	1	2	3	4
Tự do tài chính	0,906			
Tự do đầu tư	0,901			
Tự do thương mại	0,663			
Tự do tiền tệ	0,642			
Tự do lao động		0,770		
Tự do kinh doanh		0,718		
Sự liêm chính của chính phủ		0,658		
Quyền tài sản		0,605		
Sức khỏe tài khóa			0,931	
Hiệu quả tư pháp			0,929	
Chỉ tiêu chính phủ				0,808
Gánh nặng thuế				0,632
Eigenvalue	3,798	1,858	1,623	1,511
Phương sai trích %	31,649	15,479	13,529	12,589
Phương sai tích lũy	31,649	47,128	60,657	73,24

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Để xây dựng mô hình nghiên cứu, nhóm tác giả tham khảo nghiên cứu của Claessen & Bellavitis (2016) và Feruni & cộng sự (2020). Cụ thể, Claessen & Bellavitis (2016) khi sử dụng các biến như chỉ số tự do kinh tế và chỉ số phát triển con người đã phát hiện tác động tích cực của tự do kinh tế lên phát triển con người; tuy nhiên, tác động này không có ý nghĩa trong mô hình log - tuyến tính mà chỉ có ý nghĩa trong mô hình log-log. Nghiên cứu của Kim & Lin (2009) và Collier & Dollar (2001) đưa thêm các biến kiểm soát là dân số, độ mở của nền kinh tế và vốn viện trợ chính thức vào mô hình để xem xét tác động của tự do kinh tế tới phát triển con người. Ngoài ra, bản thân HDI là một chỉ số tổng hợp phản ánh tình trạng thu nhập, giáo dục và y tế của một quốc gia do đó HDI chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng của các biến này. Bên cạnh đó, Acheampong & cộng sự (2021) sử dụng các biến GDP bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình và số học sinh tiểu học làm biến độc lập và xem xét tác động của chúng lên HDI. Như vậy, mô hình tổng thể với HDI là biến phụ thuộc sẽ bao gồm ba nhóm biến độc lập sau đây: biến độc lập ngoại sinh với những yếu tố nằm bên ngoài chỉ số HDI (chỉ số thị trường mở, chỉ số hệ thống pháp luật và hiệu quả điều tiết), biến độc lập nội sinh với những yếu tố thuộc về chỉ số HDI (GDP bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình và số học sinh nhập học bậc tiểu học), biến kiểm soát (tỷ suất sinh, độ mở và vốn viện trợ chính thức).

Trên các cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu sau:

$$\ln HD_{it} = \beta_0 + \beta_1 \ln Market_{it} + \beta_2 \ln RuleRegu_{it} + \beta_3 Trade_{it} + \beta_4 ODA_{it} + \beta_5 Fer_{it} + \beta_6 gGDP_{it} + \beta_7 Life_{it} + \beta_8 \ln Edu_{it} + c_i + u_{it}$$

trong đó $\ln HD_{it}$ là biến phụ thuộc của mô hình là logarit chỉ số HDI của quốc gia i năm t giai đoạn 2010-2019; giá trị chỉ số HDI được đo trên thang điểm 0-1.

Các biến độc lập

$\ln Market_{it}$ là logarit thị trường mở của quốc gia i trong năm t . Thước đo thị trường mở đạt giá trị càng cao cho thấy quốc gia càng mở cửa về hoạt động thương mại, đầu tư, tài chính cả trong nước lẫn quốc tế, hoạt động độc lập với sự kiểm soát của Nhà nước; thị trường tiền tệ lành mạnh với tỷ lệ lạm phát thấp và các công cụ kiểm soát giá từ chính phủ được hạn chế.

$\ln RuleRegu_{it}$ là logarit hệ thống pháp luật và hiệu quả điều tiết của quốc gia i trong năm t . Giá trị điểm của hệ thống pháp luật và hiệu quả điều tiết tỷ lệ thuận với mức độ công nhận, bảo vệ quyền sở hữu tư nhân; sự trong sạch, liêm khiết của bộ máy chính phủ; sự thuận lợi của môi trường kinh doanh đối với khu vực tư nhân như hạn chế các thủ tục quan liêu và đầu tư hạ tầng cơ sở; hoạt động xúc tiến thị trường lao động bằng cách tăng cao số lượng người lao động, kích lệ các bên tự nguyện thương lượng về những điều khoản của hợp đồng lao động thay vì áp dụng những quy định Nhà nước về tiền lương tối thiểu, luật về sa thải hay yêu cầu thôi việc, giờ làm việc tối đa.

$gGDP_{it}$ là tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của quốc gia i trong năm t , thể hiện sự tăng trưởng kinh tế. Đơn vị tính là %.

$Life_{it}$ là tuổi thọ trung bình của người dân quốc gia i trong năm t , phản ánh tình trạng sức khỏe và chất lượng các dịch vụ y tế. Đơn vị tính là năm.

$\ln Edu_{it}$ là logarit số học sinh nhập học bậc Tiểu học (ở cả khu vực công và tư) của quốc gia i trong năm t . Đơn vị tính là người. Số học sinh nhập học bậc Tiểu học càng cao cho thấy giáo dục càng được coi trọng.

$Trade_{it}$ là độ mở nền kinh tế của quốc gia i trong năm t , được đo bằng kim ngạch xuất nhập khẩu chia cho quy mô GDP. Đơn vị tính là %.

ODA_{it} là vốn hỗ trợ phát triển chính thức trên đầu người mà quốc gia i nhận được trong năm t , gồm các khoản cho vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức hoặc các nước khác cho nước đang phát triển, tính theo giá trị hiện hành của USD.

Fer_{it} là tỷ suất sinh, tức số trẻ em sinh ra trên mỗi phụ nữ của quốc gia i trong năm t . Đơn vị tính là người. Tỷ suất sinh cao (cùng với tỷ suất tử thấp) đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng dân số.

Ngoài ra, mô hình còn có c_i là các yếu tố không quan sát được, không thay đổi theo t ; u_{it} là sai số ngẫu nhiên; t là thời gian quan sát (từ năm 2010 đến năm 2019); i là các nước đang phát triển được nghiên cứu (20 nước).

Bảng 3. Cơ sở lý thuyết hoặc thực nghiệm của các biến độc lập

Biến độc lập		Cơ sở lý thuyết/thực nghiệm
Biến giải thích	Logarit chỉ số hệ thống pháp luật hướng đến tự do kinh tế	Lý thuyết về phát triển so sánh chỉ ra rằng lãnh đạo dân chủ và pháp quyền sẽ nâng cao chất lượng hàng hóa công cộng. Việc bảo vệ quyền tài sản sẽ thúc đẩy các khoản đầu tư tư nhân, dẫn đến tăng trưởng và phát triển (Todaro & Smith, 2012).
	Logarit chỉ số thị trường mở hướng đến tự do kinh tế	Lý thuyết phân tích mô hình phát triển của sự thay đổi cấu trúc nhấn mạnh rằng cả những hạn chế trong nước (về kinh tế, thể chế,...) lẫn quốc tế (khả năng tiếp cận vốn, công nghệ, thương mại quốc tế,...) đều gây hại cho sự phát triển (Todaro & Smith, 2012).
	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người	Tăng trưởng thu nhập trực tiếp làm tăng khả năng lựa chọn của các cá nhân, dẫn đến tăng sự phát triển con người, vì nó gia tăng quyền chi huy với nguồn tài nguyên và nền kinh tế (Sen, 2000).
	Tuổi thọ trung bình	Theo Todaro & Smith (2012), sức khỏe và dinh dưỡng là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển do sự ảnh hưởng đến cơ hội việc làm, năng suất, tiền lương và khả năng tận hưởng cuộc sống lâu dài.
	Số học sinh nhập học bậc Tiểu học	Giáo dục đóng vai trò quan trọng giúp một quốc gia tiếp thu công nghệ hiện đại và phát huy tối đa nguồn nhân lực để tăng trưởng và phát triển theo hướng độc lập, bền vững (Todaro & Smith, 2012).
Biến kiểm soát	Độ mở nền kinh tế	Các học giả ủng hộ mô hình thương mại tự do tân cổ điển cho rằng thương mại tạo điều kiện cho sự phát triển thông qua tăng trưởng nhờ tận dụng lợi thế so sánh và lợi thế kinh tế theo quy mô (Todaro & Smith, 2012).
	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức trên đầu người	Gomanee (2003) khẳng định viện trợ có ảnh hưởng tích cực trực tiếp đến phúc lợi hoặc làm tăng phúc lợi thông qua ảnh hưởng đến tăng trưởng và chi tiêu công.
	Tỷ suất sinh	Học thuyết “bẫy dân số” của Malthus cho rằng tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn và tốc độ tăng sản lượng lương thực, thực phẩm (theo cấp số cộng) không thể bắt kịp tốc độ tăng dân số (theo cấp số nhân). Do đó, sự bùng nổ dân số làm trầm trọng hơn tình trạng đói nghèo, kích thích các cuộc chiến tranh giành tài nguyên và đẩy nhân loại đến bờ vực hủy diệt (Todaro & Smith, 2012).

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Dựa trên các nghiên cứu của Carlsson & Lundström (2002) (cho giả thuyết H1), Bjornskov & Foss (2010) và Gwartney & cộng sự (2004) (cho giả thuyết H2), Razmi & Yavari (2012) (cho giả thuyết H3), Moe (2008) (cho giả thuyết H4), Naanwaab (2018) (cho giả thuyết H5), Cebula (2011) (cho giả thuyết H6), Musgrove (1993) (cho giả thuyết H7) và Sulisworo (2016) (cho giả thuyết H8), nhóm tác giả đưa ra 8 giả thuyết sau đây:

Giả thuyết H1: Thị trường mở tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H2: Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H3: Độ mở nền kinh tế tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H4: Vốn hỗ trợ phát triển chính thức trên đầu người tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H5: Tỷ suất sinh tác động tiêu cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H6: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H7: Tuổi thọ trung bình tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Giả thuyết H8: Số lượng học sinh nhập học bậc Tiểu học tác động tích cực đến sự phát triển con người.

Nói cách khác, kỳ vọng về dấu của các hệ số hồi quy ước lượng $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_6, \beta_7$ và β_8 là dấu (+), còn hệ số hồi quy ước lượng β_5 được kỳ vọng mang dấu (-).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Mô tả thống kê

Các giá trị thống kê của biến trong mô hình được mô tả ở Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Bảng mô tả các biến

Biến số	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
$\ln HD_{it}$	200	-0,4278129	0,1814087	-1,064211	-0,1684186
$\ln Market_{it}$	200	3,923549	0,2720332	2,843455	4,324795
$\ln RuleRegu_{it}$	200	3,766082	0,2379024	2,89453	4,203946
$Trade_{it}$	200	65,79198	38,77619	22,48623	210,4002
ODA_{it}	200	30,16591	43,63642	-6,040025	237,7302
Fer_{it}	200	2,50102	0,7921731	1,514	5,215
GDP_{it}	200	3,088878	4,263703	-36,55692	11,86872
$Life_{it}$	200	68,52626	10,75556	27,5	77,15
$\ln Edu_{it}$	200	15,60061	1,577017	11,41585	18,79776

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Bảng 5. Tương quan giữa các biến số

	InHD	InMarket	InRuleRegu	Trade	ODA	Fer	GDP	Life	InEdu
InHD	1,0000								
InMarket	-0,0956	1,0000							
InRuleRegu	0,2901	0,4952	1,0000						
Trade	-0,0331	0,1856	0,1851	1,0000					
ODA	-0,5780	-0,0269	0,0714	0,2469	1,0000				
Fer	-0,7325	0,1319	-0,4045	-0,1910	0,3603	1,0000			
GDP	-0,0354	0,0652	0,1330	0,2132	0,0923	-0,1752	1,0000		
Life	0,4641	-0,1950	-0,0234	0,0899	-0,2319	-0,4709	0,1683	1,0000	
InEdu	0,3704	0,2379	0,0878	-0,2819	-0,7402	-0,2749	0,0932	0,1770	1,0000

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Từ mô tả tương quan giữa các biến, có thể nhận thấy các biến độc lập có tương quan tương đối so với biến phụ thuộc. Trong đó, Fer tương quan mạnh nhất với biến phụ thuộc InHD, tức tỷ suất sinh có độ tương quan lớn nhất đến chỉ số đánh giá sự phát triển con người là HDI. Bên cạnh đó, trong khi InRuleRegu, Life và InEdu có tương quan thuận với InHD thì InMarket, Trade, ODA, Fer và GDP lại có tương quan nghịch với InHD.

4.2 Kết quả ước lượng

Thực hiện các bước chạy mô hình dữ liệu bảng, sau các kiểm định Breusch and Pagan, Lagrangian và kiểm định Hausman, mô hình tác động ngẫu nhiên (RE) là mô hình được chọn. Tiếp tục khắc phục khuyết tật trong mô hình RE, kết quả mô hình cuối cùng được cho trong Bảng 6.

Bảng 6. Kết quả hồi quy

Biến số	Hệ số hồi quy	
InMarketit	0,0278124 [0,76]	
InRuleReguit	0,0783039** [2,06]	
Tradeit	-0,0001711 [-0,58]	
ODAIT	0,0002365* [1,74]	n = 200 R ² = 0,5220 p_value = 0,0000
Ferit	-0,0956217*** [-4,45]	
GDPit	0,0005388 [1,13]	

Bảng 6. Kết quả hồi quy (tiếp theo)

Biến số	Hệ số hồi quy
Lifeit	0,0064557*** [3,39]
lnEduit	0,0248338* [1,92]
Hệ số chặn	-10,417744

Chú thích: *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa α lần lượt là 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Từ kết quả hồi quy trên, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Cả hai biến giải thích đều có tác động tích cực đến sự phát triển con người (ủng hộ giả thuyết H1, H2), nhưng chỉ có biến Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê (ở mức 5%). Ngoài ra, các biến vốn hỗ trợ phát triển chính thức trên đầu người, tuổi thọ trung bình và số học sinh nhập học bậc Tiểu học tác động tích cực đến sự phát triển con người lần lượt ở mức ý nghĩa 10%, 1% và 10% (ủng hộ giả thuyết H4, H7, H8); biến tỷ suất sinh có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê (ở mức ý nghĩa 1%) và ảnh hưởng này là tiêu cực (ủng hộ giả thuyết H5). Tuy nhiên, các biến độ mở nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người lần lượt có tác động tiêu cực (bác bỏ giả thuyết H3) và tác động tích cực (ủng hộ giả thuyết H6), nhưng không có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê.

Nhìn chung, kết quả này khá phù hợp với kỳ vọng ban đầu cũng như kết luận từ một số công trình nghiên cứu trước đó chứng tỏ chỉ một số yếu tố nhất định trong tự do kinh tế giúp cải thiện rõ rệt mức độ phát triển con người. Cụ thể:

Thứ nhất, giống như công trình của Carlsson & Lundström (2002), Tran (2019) và Justesen (2008), nghiên cứu này không ghi nhận mối quan hệ rõ ràng giữa thị trường mở và phát triển con người ở các nước đang phát triển. Tuy nhìn chung, thị trường mở đã kích hoạt sự trỗi dậy của nền kinh tế ở một số nước đang phát triển như Việt Nam, Kenya, Campuchia; nhưng trên thực tế, vẫn tồn tại khá nhiều quy tắc quốc tế áp dụng trong quan hệ thị trường mở với những điều khoản bất hợp lý, gây tổn hại cho các nước đang phát triển (Vũ, 2020). Ngoài ra, dù tự do hóa tiền tệ có thể giúp các chủ thể kinh tế tiếp cận thông tin giá cả chính xác được điều chỉnh bởi cung - cầu thị trường, nhưng ở các quốc gia đang phát triển với thâm hụt ngân sách kéo dài và bị ràng buộc với các mục tiêu về lạm phát và tỷ giá, việc cho phép thị trường tiền tệ tự điều chỉnh hoặc nới lỏng tiền tệ với quy mô lớn dễ dẫn đến mất giá nội tệ, môi trường đầu tư rủi ro hơn, trì hoãn các dòng vốn đầu tư nước ngoài. Do các tác động tiêu cực, tích cực của thị trường mở đan xen ở các nước đang phát triển nên tác động của nó lên HDI là không rõ ràng ở nhóm nước này.

Thứ hai, nhóm tác giả nhận thấy ảnh hưởng tích cực giữa hệ thống pháp luật và hiệu quả điều tiết đến sự phát triển con người ở các nước đang phát triển. Về hệ thống pháp luật, khi các biện pháp như bảo vệ tài sản và quyền kinh tế tư nhân, đảm bảo việc thực hiện hợp đồng, xóa bỏ tị nạn tham nhũng, hối lộ (một hiện tượng khá phổ biến tại những nước này) được tăng cường, nền kinh tế tư nhân sẽ ngày càng vững mạnh, đóng góp lớn vào thu nhập quốc gia, đẩy lùi việc sử dụng tài sản công vào các mục đích chính trị hay tư lợi cá nhân, ổn định tâm lý người dân khi tham gia các hoạt động kinh tế. Điều này tương đồng với nhận định của Carlsson & Lundström (2002), Bjornskov & Foss (2010). Về hiệu quả điều tiết, việc Nhà nước thực thi các chính sách kích thích tự do kinh doanh sẽ giúp các cá nhân tích cực hơn trong hoạt động khởi nghiệp và có nhiều thành tựu. Tự do lao động khiến nhu cầu của người sử dụng lao động và người lao động dễ dàng đạt được hơn, cho phép người lao động di chuyển tự do ra ngoài khu vực, nâng cao kinh nghiệm, cạnh tranh và chuyên giao công nghệ, dẫn đến chất lượng cao hơn của lực lượng lao động trong nước. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Carlsson & Lundström (2002), Tran (2019), Gwartney & cộng sự (2004).

Thứ ba, độ mở nền kinh tế không có tác động rõ ràng đến sự phát triển con người. Các nghiên cứu cùng đề tài cũng đưa ra những kết luận mâu thuẫn nhau. Nhiều học giả cho rằng độ mở nền kinh tế cao không chỉ giúp các nước đang phát triển chuyển giao hàng hóa, dịch vụ hay nguồn lực tài chính mà còn chuyển giao các hình thức tổ chức, hệ thống giáo dục, y tế, xã hội và lối sống của các quốc gia phát triển (Todaro & Smith, 2012). Nhưng ngược lại, độ mở nền kinh tế có thể gây bất lợi cho nền kinh tế mới nổi, bởi các quốc gia này chưa đạt được ngưỡng thu nhập mà tại đó, độ mở nền kinh tế đem lại lợi thế, từ đó dễ bị ràng buộc với nhu cầu và biến động của thị trường quốc tế (Kim & Lin, 2009).

Thứ tư, tương tự nghiên cứu của Moe (2008) và Collier & Dollar (2001), nhóm tác giả nhận thấy mối liên hệ cùng chiều giữa vốn hỗ trợ phát triển chính thức trên đầu người và sự phát triển con người. Viện trợ nước ngoài góp phần thu hẹp khoảng cách tiết kiệm - đầu tư ở các nước nhận viện trợ, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo chi đầu tư phát triển, làm lành mạnh cán cân thanh toán quốc tế, cải thiện số lượng và chất lượng dịch vụ công.

Thứ năm, tỷ suất sinh có tác động ngược chiều đến sự phát triển con người. Nhận định này đồng nhất với kết luận của Hafner & Mayer-Foulkes (2013) và Naanwaab (2018). Tỷ suất sinh cao góp phần gia tăng dân số, kéo theo thu nhập bình quân đầu người giảm, cơ hội tiếp cận của mỗi cá nhân với các nguồn tài nguyên, các chương trình phúc lợi xã hội, ... bị thu hẹp. Đặc biệt, ở các quốc gia đang và kém phát triển, điều này cản trở công cuộc xóa đói giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống, bởi tăng trưởng kinh tế, năng lực quản lý, chi tiêu chính phủ cho các dịch vụ công, thường không thể theo kịp tốc độ gia tăng dân số (World Bank, 1984).

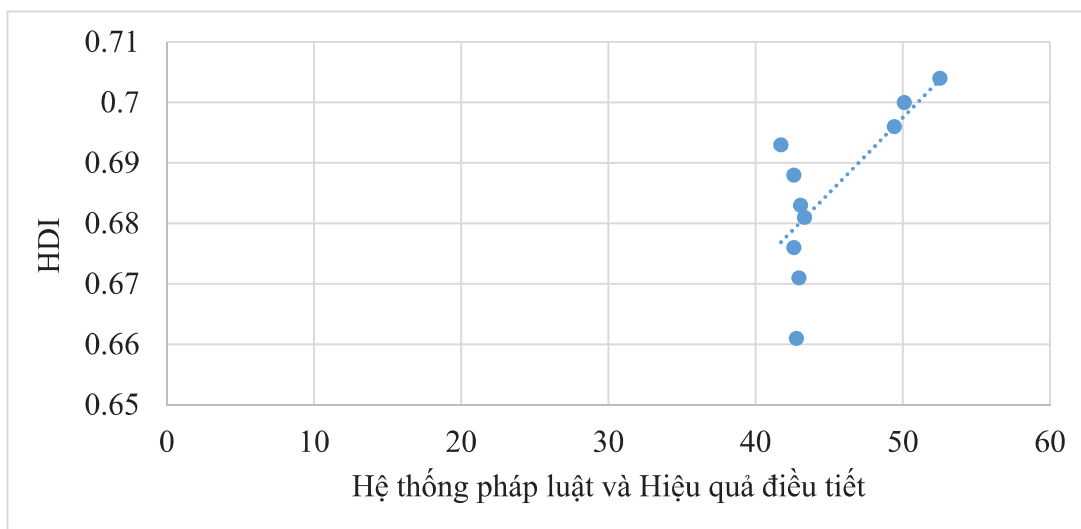
Thứ sáu, giống với kết luận của Mihaela & Georgiana (2015), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người không có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến sự phát triển con người. Dù mức thu nhập tăng giúp cải thiện đời sống vật chất, mở rộng các lựa chọn ở phạm vi hộ gia đình lẫn phạm vi chính phủ (Gustav, 2004), nhưng tăng trưởng kinh tế chỉ là điều kiện cần chứ không phải điều kiện đủ cho sự phát triển con người. Sự phát triển chỉ đạt được nếu một quốc gia thực hiện các chính sách hữu hiệu để nâng cao y tế, giáo dục, quyền con người và tạo ra cơ hội bình đẳng cho tất cả người dân, bởi một nền kinh tế vững mạnh cần được xây dựng và đầu tư cho một xã hội vững mạnh, nhất là ở các nước đang phát triển (Mihaela & Georgiana, 2015).

Thứ bảy, tương tự nghiên cứu của Behrman (1993) và Musgrove (1993), nhóm tác giả nhận thấy ảnh hưởng tích cực của tuổi thọ trung bình đến sự phát triển con người. Một cuộc sống lâu dài và khỏe mạnh góp phần quan trọng vào sự thịnh vượng và phát triển nhờ năng suất cao hơn, tiết kiệm nhiều hơn và tận hưởng lâu hơn.

Thứ tám, số học sinh nhập học bậc Tiểu học có tác động tích cực đến sự phát triển con người. Việc trẻ em được đến trường là bước đầu để cải thiện nền giáo dục của một quốc gia. Giáo dục đóng vai trò làm giảm nghèo đói và dịch bệnh (UNDP, 2020), giúp gia tăng năng suất lao động, tiếp cận với tri thức mới, giúp các quốc gia đang phát triển nhanh chóng tiến lên “nấc thang” cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Nhận định này phù hợp với nghiên cứu của Sulisworo (2016).

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả ước lượng của mô hình hoàn toàn phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam. Chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường đã giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới thành nước có thu nhập trung bình thấp. Việt Nam hiện là một trong những quốc gia năng động nhất Đông Á - Thái Bình Dương (World Bank, 2020). Nhờ sự cải cách liên tục từ thời kỳ Đổi mới đến nay, tự do kinh tế của Việt Nam ngày càng được mở rộng. Theo bảng xếp hạng về Chỉ số EFI năm 2021 do Quỹ Di sản công bố, tổng điểm của Việt Nam năm 2021 là 61,7; tăng 2,9 điểm và 15 bậc so với năm ngoái, xếp vị trí thứ 90 toàn cầu. Đặc biệt, giá trị Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết (trung bình cộng của Quyền tài sản, Sự liêm chính của chính phủ, Tự do kinh doanh và Tự do lao động) tăng 1,15 điểm. Hệ quả là chỉ số HDI của Việt Nam cũng vươn lên từ nhóm các nước có mức HDI trung bình lên nhóm các nước có HDI cao vào năm 2020 với điểm số 0,704 (UNDP, 2020). Hình 1 cho thấy mối tương quan cùng chiều giữa Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết và phát triển con người ở Việt Nam giai đoạn 2010-2019.



Hình 1. Mối quan hệ giữa Hệ thống pháp luật và Hiệu quả điều tiết và phát triển con người ở Việt Nam giai đoạn 2010-2019

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Tuy nhiên, thực tiễn chỉ ra quá trình gia tăng HDI đang chậm lại, cùng với đó là những cải cách thể chế, tự do kinh tế đang gặp khó khăn khi mức độ cải cách bắt đầu chậm lại khi đụng đến những vấn đề cốt lõi liên quan đến ý thức hệ (Phạm, 2021). Dựa trên kết quả của nghiên cứu, để tiếp tục có được đột phá về HDI, Việt Nam cần tiếp tục gia tăng mức độ cải cách liên quan đến tự do kinh tế trong hai vấn đề sau:

5.1 Đảm bảo quyền tài sản và sự liêm chính của Chính phủ

Nhà nước cần hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền tài sản, nhất là quy định trong pháp luật dân sự, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, pháp luật thương mại và pháp luật về sở hữu trí tuệ. Cụ thể, cần xây dựng hệ thống cơ chế giám sát mang tính liên ngành, các quy định rõ ràng bao gồm khung hình phạt với những mức xử phạt đủ nặng về mặt kinh tế và pháp lý nhằm phòng, chống hiệu quả các hành vi vi phạm, xâm phạm quyền tài sản; đẩy mạnh đào tạo và đào tạo theo quy chuẩn quốc tế nguồn nhân lực về quyền tài sản, để phát triển bền vững trong hội nhập và hội nhập hiệu quả trên phương diện bảo vệ hợp pháp quyền tài sản. Đặc biệt, đối với quyền sở hữu trí tuệ, nhà nước cần thúc đẩy thương mại hoá các hoạt động sở hữu trí tuệ, nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế và các lợi ích hợp pháp của việc thương mại hoá các sản phẩm trí tuệ. Đối với tài sản là đất đai, cần thống nhất các quy định về bản chất đất đai và quyền sử dụng đất trong điều kiện của kinh tế thị trường ở Việt Nam nhằm hạn chế các khiếu kiện, tranh chấp và vụ án tham nhũng liên quan đến đất đai. Đối với một số quyền tài sản khác như quyền đòi nợ, quyền tài sản với phần vốn góp trong doanh nghiệp, quyền khai thác tài nguyên, quyền được nhận số tiền bảo hiểm đối với vật bảo đảm, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng và các quyền tài sản khác thuộc sở hữu của bên bảo đảm, cần làm sáng

tỏ việc thực hiện quyền tài sản trên các cơ sở: xác định quyền năng của chủ sở hữu quyền tài sản, cơ chế chuyển giao quyền tài sản trong các giao dịch và phương thức xác định giá trị của quyền tài sản.

Đối với việc đảm bảo sự liêm chính của Chính phủ, nhà nước cần thiết lập kênh giao tiếp với người dân hiệu quả (chẳng hạn như trung cầu dân ý), đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục pháp luật, xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra chu đáo và có trọng điểm, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm được dư luận xã hội quan tâm như trách nhiệm thực thi nhiệm vụ, đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp...; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực với các biện pháp chế tài dành cho cán bộ, công chức, viên chức thiếu liêm chính khi thực thi công vụ.

5.2 Thúc đẩy tự do kinh doanh và tự do lao động

Đối với việc thúc đẩy tự do kinh doanh, Chính phủ cần đảm bảo tính thống nhất, logic và biện chứng trong hệ thống pháp luật về tự do kinh doanh giữa luật chung và luật chuyên ngành (trong trường hợp cần thiết, có thể xây dựng quy trình riêng, đặc thù với một số ngành nghề nhưng không được đi ngược với luật chung); tiếp tục tháo dỡ các rào cản từ khung pháp lý đến thể chế. Cần giảm các mệnh lệnh hành chính không cần thiết, bãi bỏ những thủ tục rườm rà như thủ tục xác nhận ngành nghề kinh doanh, thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh, ghi ngành nghề kinh doanh trong điều lệ doanh nghiệp theo đúng tinh thần được làm những gì mà pháp luật không cấm; tăng cường hoạt động tuyên truyền pháp luật cho các chủ thể kinh doanh về quyền tự do kinh doanh, để họ nắm bắt đầy đủ các quyền lợi hợp pháp được pháp luật quy định, bảo vệ và cho phép thực hiện, tránh các rủi ro pháp lý cũng như tình trạng bị “gây khó dễ” bởi các đối tượng liên quan.

Đối với việc thúc đẩy tự do lao động, Chính phủ cần khuyến khích các doanh nghiệp tạo cơ hội việc làm đầy đủ và phù hợp với từng đối tượng người dân; hình thành các thể chế hỗ trợ quan hệ lao động, thúc đẩy công cụ đối thoại và thương lượng trên thị trường lao động mà không cần áp đặt các quy định về tiền lương, số giờ làm... (chẳng hạn như cho phép người lao động và người sử dụng lao động thành lập tổ chức đại diện; đóng vai trò xúc tác, hỗ trợ tháo gỡ bế tắc trong đối thoại để đạt được thỏa thuận mong muốn); đảm bảo cạnh tranh việc làm dựa trên các nguyên tắc công bằng và minh bạch. Thông tin cần được công bố rộng rãi đến tất cả các đối tượng trong nền kinh tế. Quy trình tuyển dụng phải rõ ràng, đánh giá kết quả tuyển dụng theo năng lực, đánh giá hiệu suất làm việc theo tình hình thực tế; tránh tình trạng bị thao túng bởi vật chất, quyền lực, quan hệ làm biến chất thị trường lao động.

Tài liệu tham khảo

- Acheampong, A.O., Erdiaw-Kwasie, M.O. & Abunyewah, M. (2021), “Does energy accessibility improve human development? Evidence from energy-poor regions”, *Energy Economics*, Vol. 96, pp. 105 - 165.
- Altman, M. (2008), “How much economic freedom is necessary for economic growth?”, *Economic Bulletin*, Vol.15 No. 2, pp. 1 - 20.
- Ashley, L., McLoughlin, C., Aslam, M., Engel, J., Wales, J., Rawal, S., Batley, R., Kingdon, G., Nicolai, S. & Rose, P. (2014), *The role and impact of private schools in developing countries: a rigorous review of the evidence*, London: Department for International Development.
- Behrman, J.R. (1993), “The economic rationale for investing in nutrition in developing countries”, *World Development*, Vol. 21 No. 11, pp. 1749 - 1771.
- Bjornskov, C. & Foss, N.J. (2010), “Do economic freedom and entrepreneurship impact total factor productivity?”, SMG Working Paper No. 8/2010.
- Burgess, R. & Stern, N. (1993), “Taxation and development”, *Journal of Economic Literature*, Vol. 31 No. 2, pp. 762 - 830.
- Carlsson, F. & Lundström, S. (2002), “Economic freedom and growth: decomposing the effects”, *Public Choice*, Vol. 112 No. 3, pp. 335 - 344.
- Carraro, A. & Karfakis, P. (2018), “Institutions, economic freedom and structural transformation in 11 sub-Saharan African countries”, FAO Agricultural Development Economics Working Paper 18-01.
- Cebula, R.J. (2011), “Economic growth, ten forms of economic freedom, and political stability: an empirical study using panel data, 2003-2007”, *Journal of Private Enterprise*, Vol. 26 No. 2, pp. 61 - 81.
- Claessen, F. & Bellavitis, N. (2016), “Does economic freedom stimulate human development: an empirical study on how governments can affect the well-being of developing countries”, Working Paper, Erasmus University Rotterdam.
- Collier, P. & Dollar, D. (2001), “Can the world cut poverty in half? how policy reform and effective aid can meet international development goals”, *World Development*, Vol. 29 No. 11, pp. 1787 - 1802.
- Copeland, B.R. (2008), “The pollution haven hypothesis”, in Gallagher, K. (Ed.), *Handbook on Trade and the Environment*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham, pp. 60 - 70.
- Easterlin, R. A. (1995), “Will raising the incomes of all increase the happiness of all?” *Journal of Economic Behavior & Organization*, Vol. 27 No. 1, pp. 35 - 47.
- Feldmann, H. (2017), “Economic freedom and human capital investment”, *Journal of Institutional Economics*, Vol. 13 No. 2, pp. 421 - 445.
- Feruni, N., Hysa, E., Panait, M., Rădulescu, I.G. & Brezoi, A. (2020), “The impact of corruption, economic freedom and urbanization on economic development: western Balkans versus EU-27”, *Sustainability*, Vol. 12 No. 22, 9743.
- Gezer, M.A. (2020), “The impact of economic freedom on human development in European transition economies”, *Economic Computation and Economic Cybernetics Studies and Research*, Vol. 54 No. 3, pp. 161 - 178.

- Gomance, K., Girma, S. & O, Morrissey. (2003), "Aid, public spending and human welfare, evidence from quantile regressions", CREDIT Research Paper 03/13, Centre for Research in Economic Development and International Trade, University of Nottingham, Nottingham.
- Graafland, J. & Bart, C. (2015), "Economic freedom and life satisfaction: mediation by income per capita and generalized trust", *Journal of Happiness Studies*, Vol. 16 No. 3, pp. 789 - 810.
- Guney, T. (2017), "Economic freedom and human development", *Hitit University Journal of Social Science Institute*, Vol. 10 No. 2, pp. 1109 - 1120.
- Gustav, R. (2004). "Human development and economic growth", Center Discussion Paper No. 887, Yale University.
- Gwartney, J. & Lawson, R. (2013), *Economic freedom of the world*, Vancouver: The Fraser Institute.
- Gwartney, J., Holcombe, R. & Lawson, R. (2004), "Economic freedom, institutional quality, and cross-Country differences in income and growth", *Cato Journal*, Vol. 24 No. 3, pp. 205 - 333.
- Gwartney, J., Lawson R. & Samida, D. (2000), *Economic Freedom of the World: 2000 Annual Report*, Vancouver: The Fraser Institute.
- Gwartney, J.D., Lawson, R. & Block, W. (1996), "Economic freedom of the world, 1975-1995", Fraser Institute Working Paper.
- Hafner, K.A. & Mayer-Foulkes, D. (2013), "Fertility, economic growth, and human development causal determinants of the developed lifestyle", *Journal of Macroeconomics*, Vol. 38, pp. 107 - 120.
- Helble, M.C. and Shepherd, B. (2017), "Trade in health products: reducing trade barriers for better health", Working Paper No. 643, Asian Development Bank Institute, Tokyo.
- Hye, Q.M.A. & Yeap, L.W. (2017), "Economic liberalization and economic growth: an empirical analysis of Pakistan", *Asian Economic and Financial Review*, Vol. 7 No. 12, pp. 1256 - 1302.
- Justesen, M.K. (2008), "The effect of economic freedom on growth revisited: new evidence on causality from a panel of countries 1970-1999", *European Journal of Political Economy*, Vol. 24 No. 3, pp. 642 - 660.
- Kim, D. and Lin, S. (2009), "Trade and growth at different stages of economic growth", *Journal of Development Studies*, Vol. 45 No. 8 pp. 1211 - 1224.
- Kim, D-H., Lin, S.C. & Suen, Y.B. (2012), "The simultaneous evolution of economic growth, financial development and trade openness", *The Journal of International Trade and Economic Development*, Vol. 21 No. 4, pp. 513 - 537.
- Lucas, R.E. (2000), "Some Macroeconomics for the 21st century", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 14 No. 1, pp. 159 - 168.
- Makuta, I. & O'Hare, B. (2015), "Quality of governance, public spending on health and health status in Sub Saharan Africa: a panel data regression analysis", *BMC Public Health*, Vol. 15 No. 1, pp. 1 - 11.
- Mihaela, D.N.& Georgiana, O.C. (2015). "Correlations between human development and economic growth", Annals of the "Constantin Brâncuși", University of Târgu Jiu, *Economy Series*, No. 1, pp. 118 - 122.

- McMullen, J.S., Bagby, D.R. & Palich, L.E. (2008), “Economic freedom and the motivation to engage in entrepreneurial action”, *Entrepreneurship Theory and Practice*, Vol. 32 No. 5, pp. 875 - 895.
- Miller, T. & Kim, B.A. (2016), *2016 Index of Economic Freedom*, Washington: The Heritage Foundation and Dow Jones & Company, Inc.
- Moe, T.L. (2008), “An empirical investigation of relationships between official development assistance (ODA) and human and educational development”, *International Journal of Social Economics*, Vol. 35, pp. 202 - 221.
- Musgrove, P. (1993), “Relations between health and development”, *Boletín de la Oficina Sanitaria Panamericana*, Pan American Sanitary Bureau, Vol. 114 No. 2, pp. 115 - 129.
- Naanwaab, C. (2018), “Does economic freedom promote human development? New evidence from a cross-national study”, *The Journal of Developing Areas*, Vol. 52 No. 3, pp. 183 - 198.
- Nikolaev, B. (2014), “Economic freedom and quality of life: evidence from the OECD’s Your Better Life Index”, *Journal Private Enterprise*, Vol. 29 No. 3, pp. 61 - 96.
- Nyström, K. (2008), “The institutions of economic freedom and entrepreneurship: evidence from panel data”, *Public Choice*, Vol. 136 No. 3, pp. 269 - 282.
- Phạm, V.T. (2021), “Khó cải cách hành chính do đụng chạm đến lợi ích nhóm”, *Báo Người Lao động*, <https://nld.com.vn/thoi-su/kho-cai-cach-hanh-chinh-do-dung-cham-den-loi-ich-nhom-20210128141941303.htm>, truy cập ngày 31/05/2021.
- Razmi, S.M.J. & Yavari, Z. (2012), “Reviewing the effect of trade openness on human development”, *Interdisciplinary Journal of Contemporary Research in Business*, Vol. 4 No. 6, pp. 970 - 978.
- Sen, A. (2000), “A decade of human development”, *Journal of Human Development*, Vol. 1 No. 1, pp. 17 - 23.
- Sharma, A. (2020), “Does economic freedom improve health outcomes in sub-Saharan Africa?”, *International Journal of Social Economics*, Vol. 47 No. 12, pp. 1633 - 1649.
- Stallings, B. (2001), “Globalization and liberalization: the impact on developing countries”, ECLAC Report 12/2001.
- Stroup, M.D. (2007), “Economic freedom, democracy, and the quality of life”, *World Development*, Vol. 35 No. 1, pp. 52 - 66.
- Sulisworo, D. (2016). “The contribution of the education system quality to improve the nation’s competitiveness of Indonesia”, *Journal of Education and Learning*, Vol. 10 No. 2, pp. 127 - 138.
- Todaro, M.P. & Smith, S.C. (2012), *Economic Development*, 11th Edition, The Pearson Series in Economics.
- Tran, V.D. (2019), “A study on the impact of economic freedom on economic growth in ASEAN countries”, *Business and Economic Horizons*, Vol. 15 No. 3, pp. 423 - 449.
- UNDP. (2020), “The next frontier: human development and the Anthropocene”, Human Development Report 2020.
- Vũ, V.P. (2020), “Tác động của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển”, *Tạp chí Châu Á Thái Bình Dương*, <https://luatminhkhue.vn/tac-dong-cua-toan-cau-hoa--khu-vuc-hoa-doi-voi-cac-nuoc-dang-phat-trien.aspx>, truy cập ngày 02/05/2021.

- Watkins, M.W. (2018), “Exploratory factor analysis: a guide to best practice”, *Journal of Black Psychology*, Vol. 44 No. 3, pp. 219 - 246.
- World Bank. (1984). “The Consequences of Rapid Population Growth”, World Development Report 1984, <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/5967/WDR%201984%20-%20English.pdf?sequence=1>, truy cập ngày 16/10/2021.
- World Bank. (2020), “Trading for development in the age of global value chains”, World Development Report, <https://www.worldbank.org/en/publication/wdr2020>, truy cập ngày 17/05/2021.
- Zaman, K., Saleem, M.Q., Ahmad, M. & Khan, A. (2017), “Economic freedom indicators and higher education reforms: evaluation and planning internationalization process”, *International Journal of Economics and Financial Issues*, Vol. 7 No. 3, pp. 152 - 160.